

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 11-6-2021

V/v “tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Hữu Chí

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Điệp

Ông Hoài Đức Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Đặng Văn Hoàng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 646/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2020 về việc “tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 330/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 403/2021/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1979

Địa chỉ: số 55, tổ 2, ấp 5, xã L1, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên hệ: số 5/58, tổ 8, khu 13, xã L2, huyện L3, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Bình Đ, sinh năm 1978

Địa chỉ: số 55, tổ 2, ấp 5, xã L1, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/9/2020, bản tự khai ngày 07/01/2021 nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng L trình bày:

Chị và anh Nguyễn Bình Đ yêu thương, cưới nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L1, huyện N, tỉnh Đồng Nai vào năm 2010 theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 16 ngày 05/3/2007. Trong quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc đến khoảng năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường hay cãi vã, làm tổn thương cho nhau. anh Đ thường hay nhậu nhẹt về nhà chửi bới vợ con. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 4/2020 cho đến nay không có bàn bạc đoàn tụ.

Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục kéo dài cuộc sống hôn nhân với anh Đ được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị L được ly hôn với anh Đ.

- Về con chung: chị L và anh Đ chung sống có 01 con chung tên là Nguyễn Bình Nguyên K, sinh ngày 17/4/2015, hiện đang sinh sống cùng với chị L. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, chị L có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung là cháu K. Hiện nay chị L đang sống cùng nhà với cha mẹ ruột ở xã L2, huyện L3 và làm đang làm công nhân, thu nhập hàng tháng khoảng 20.000.000 đồng nên có đủ khả năng nuôi con mà không cần anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: chị L khai không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/4/2021, bị đơn anh Nguyễn Bình Đ trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Hồng L yêu thương, kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L1 vào năm 2007. Trong quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc, thỉnh thoảng cũng có lời quan tiếng lại do không hiểu nhau. Đến ngày 26/3/2020, vợ chồng có cãi nhau nên chị L đem con về nhà cha mẹ ruột ở xã L2, huyện L3 để sống cho đến nay. Anh có 5-6 lần đến gặp để khuyên chị L về đoàn tụ nhưng chị L không đồng ý. Nay chị L yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý.

- Về con chung: vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Bình Nguyên K, sinh ngày 17/4/2015. Do anh không đồng ý ly hôn nên anh Đ không có ý kiến gì về việc con chung, tài sản chung, nợ chung.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N: Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn như cung cấp tài liệu, chứng cứ và tham gia phiên tòa được thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn chưa tuân thủ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 9; Điều 11; Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng L được ly hôn anh Nguyễn Bình Đ.

Về con chung: giao 01 con chung là cháu Nguyễn Bình Nguyên K, sinh ngày 17/4/2015 cho chị L nuôi dưỡng, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: chị L khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Đ, hiện anh Đ đang cư trú tại huyện N. Vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện nên Tòa án nhân dân huyện N thụ lý là đúng theo quy định tại khoản 5, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng L có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Bình Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị L, anh Đ.

[2] Về nội dung vụ án:

Chị Nguyễn Thị Hồng L và anh Nguyễn Bình Đ xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L1, huyện N, tỉnh Đồng Nai vào ngày 05/3/2007 nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị L là do bất đồng quan điểm sống nên thường hay cãi vã, làm tổn thương cho nhau. anh Đ thường hay nhậu nhẹt về nhà chửi bới vợ con. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 4/2020 cho đến nay không có bàn bạc đoàn tụ nên chị L nộp đơn xin ly hôn anh Đ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh Đ đến lần thứ hai để hoà giải nhưng anh vắng mặt không có lý do, điều đó thể hiện anh Đ không có thiện chí để hoà giải. chị L và anh Đ đã ly thân nhau từ tháng 4 năm 2020 đến nay nhưng không có biện pháp để hàn gắn đoàn tụ. Như vậy, hôn nhân của chị L và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L, xử cho chị L được ly hôn với anh Đ là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: giữa chị L và anh Đ có 01 con chung là cháu Nguyễn Bình Nguyên K, sinh ngày 17/4/2015. Xét thấy việc giao con cho chị L hay anh Đ nuôi dưỡng cần phải xem xét vào điều kiện và hoàn cảnh sống của mỗi bên nhằm đảm bảo

sự phát triển bình thường cho trẻ. Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi vợ chồng ly thân, chị L là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị có việc làm và thu nhập ổn định, đảm bảo tốt đời sống vật chất tinh thần cho con chung và hiện nay chị L không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Do đó để giữ sự ổn định cuộc sống của con chung cần xem xét giao cháu K cho chị L nuôi dưỡng là phù hợp Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về chia tài sản chung và nợ chung: chị L khai không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với nhận định nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng L phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 147, 220, 227, 228, 264, 266, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 9, 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng L về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” đối với bị đơn anh Nguyễn Bình Đ.

Xử: Cho chị Nguyễn Thị Hồng L được ly hôn với anh Nguyễn Bình Đ.

2. Về con chung: Xử giao cháu Nguyễn Bình Nguyên K, sinh ngày 17/4/2015 cho chị Nguyễn Thị Hồng L được quyền nuôi dưỡng, anh Nguyễn Bình Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. anh Đ được quyền đến thăm nom con không ai được cản trở anh thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng L phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai thu số 0000965 ngày 02/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đồng Nai. chị L đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Tòa án tỉnh;
- Thi hành án;
- UBND xã L1;
- Phòng Tư pháp;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(ĐÃ KÝ)

DƯƠNG HỮU CHÍ

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoài Đức Huệ - Trần Văn Điệp

Dương Hữu Chí

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Tòa án tỉnh;
- Thi hành án;
- UBND xã Hiệp Phước;
- Phòng Tư pháp;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

DƯƠNG HỮU CHÍ

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Ngọc – Lâm Ngọc Trao

Dương Hữu Chí

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Tòa án tỉnh;
- Thi hành án;
- UBND thị trấn Chư Ty;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Dương Hữu Chí